TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/DS-ST
Ngày: 22-08-2017
V/v tranh chấp đòi tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Huỳnh Minh Chánh

2- Bà Nguyễn Thị Thúy Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh *tham gia phiên tòa*: Ông Nguyễn Văn Lân - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 08 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 648/2016/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2016 về "Tranh chấp đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 223/2017/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 06 năm 2017 và số 271/2017/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 07 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Cổ Hoàng Tuyết T, sinh năm: 1957. (Có mặt)

Địa chỉ: Đường A, khu phố 5, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện ủy quyền cho bà Cổ Hoàng Tuyết T: Ông Nguyễn Minh C, sinh năm: 1977. Địa chỉ: đường N, phường 1, thành phố O, tỉnh Long An. (Theo giấy ủy quyền lập tại Ủy ban nhân dân phường 1, thành phố O, tỉnh Long An, số chứng thực số 150, quyển số 01/2017-SCT/CKĐC ngày 06/03/2017). (Có mặt)

- *Bị đơn:* 1. Ông Ngô Hoàng T, sinh năm: 1985. (Có mặt)

2. Bà Bùi Thị B, sinh năm: 1964. (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyệnB, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền cho bà Bùi Thị B: Ông Ngô Hoàng T, sinh năm: 1985. Địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo giấy ủy quyền lập tại Văn phòng Công chứng A, địa chỉ số: đường N, thị trấn T, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh; Số công chứng: 005088, quyển số: 06/2017/HĐGD-CCAL ngày 06/06/2017). (Có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Ông Ngô Phước Tr, sinh năm: 1964. Địa chỉ: Ấp 3, xã A, huyện B, thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

2. Bà Trần Thị Kim Đ, sinh năm: 1953. Địa chỉ: Đường A, khu phố 5, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An. (Có mặt)

3. Bà Trương Thị Kim D, sinh năm: 1982. Địa chỉ: Đường A, khu phố 5, thị trấn B, huyện C, tỉnh Long An. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 12 năm 2016 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Cổ Hoàng Tuyết T trình bày như sau:

Vào năm 2012 bà T có quen biết ông Ngô Hoàng T trong quá trình đi chùa nhiều nơi. Ông T có đến nhà và nói với bà T là trong Hội phật giáo có tổ chức đưa phật tử sang nước Úc để hành hương học đạo, ban ngày đi làm ở nhà hàng đồ chay, ban đêm đi học đạo, nếu ai đi thì đóng 3.000USD lệ phí cho một người.

Ngày 14/08/2012 bà T đưa cho ông T nhận số tiền 20.000.000 đồng tại nhà bà Trần Thị Kim Đ.

Bà T đã chuyển tiền vào tài khoản ông T tại Ngân hàng A tổng cộng số tiền như sau:

- Ngày 15/08/2012: 8.324.000 đồng
- Ngày 20/08/2012: 45.782.000 đồng
- Ngày 12/10/2012: 100.000.000 đồng
- Ngày 16/10/2012: 50.000.000 đồng
- Ngày 24/09/2012: 37.000.000 đồng
- Ngày 25/08/2012: (2 x 1.700USD)

Tổng cộng tính thành tiền đồng Việt Nam là: 360.000.000 đồng.

Sau khi đóng tiền cho ông T xong mà không thấy ngày đi Úc, về sau bà T phát hiện mình bị lừa, nên bà T có nộp đơn tố cáo hành vi lừa đảo của ông Ngô Hoàng T, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An đã xét xử sơ thẩm và phúc thẩm hình sự xử phạt ông T 02 (Hai) năm tù giam về việc ông T lừa đảo chiếm đoạt tài sản ; Buộc ông T trả số tiền 3.000USD/cho một người gồm có: Cổ Hoàng Tuyết T, Trần Thị Kim Đ, Trương Thị Kim D ; gia đình ông T đã trả số tiền trên (được tính thành tiền Việt Nam là 188.200.000 đồng) cho bà Cổ Hoàng Tuyết T.

Theo bản án của Tòa án tỉnh Long An và biên bản lấy lời khai của công an huyện B đối ông Ngô Hoàng T ngày 15/04/2013 và ngày 24/09/2013, thì ông Ngô Hoàng T thừa nhận còn nợ của bà T là 170.000.0000 đồng, đây là tiền ông T mua đất, số tiền này mẹ ruột của ông Ngô Hoàng T là bà Bùi Thị B ký giấy cam kết thay con trả nợ (ký ngày 26/08/2013), hứa sẽ trả hết tiền cho bà T nhưng đến nay vẫn chưa trả số tiền 170.000.000 đồng cho bà T. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 171.800.000 đồng cho bà T, bà T không tính lãi suất. Từ trước đến nay bà T sống độc thân, không lập gia đình.

Tại phiên tòa bà Cổ Hoàng Tuyết T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ yêu cầu ông T, bà B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng cho bà T, bà T không yêu cầu tính lãi suất.

Tại bản tự khai ngày 23/02/2017, ngày 25/04/2017, ngày 25/05/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là ông Ngô Hoàng T trình bày như sau :

Vào năm 2012 ông T xác nhận có nhận số tiền 188.200.000 đồng của bà Cổ Hoàng Tuyết T, do không có khả năng chi trả nên cha mẹ ông T là Ngô Phước T và Bùi Thị B có đứng ra làm giấy cam kết thay ông T trả số tiền trên, trong thời gian chưa trả tiền gia đình ông T có đưa cho bà T giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm tin, bà T có yêu cầu gia đình ông T phải trả vốn và lãi suất 10%/ 01 tháng thì bà T không khởi kiện (nhưng sau này thì ông T bị xử tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với mức án là 02 (Hai) năm tù). Gia đình ông T thỏa thuận với bà T chỉ trả lại vốn thì bà T chấp nhận và trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông T. Do gia đình ông T

không có yêu cầu bà T hủy giấy nợ mà mẹ ông T là bà Bùi Thị B ký ngày 26/08/2013 nên bà T khởi kiện đòi số tiền 170.000.000 đồng là không được. Nay ông T đồng ý trả số tiền mà ông T đã nhận thông qua chuyển khoản và giấy ký nhận tiền, sau đó trừ đi khoản tiền 188.200.000 đồng mà bà Cổ Hoàng Tuyết T đã nhận của gia đình ông, số tiền còn lại là 55.000.000 đồng ông T đồng ý trả cho bà Trần Thị Kim Đ, không đồng ý trả tiền cho bà Cổ Hoàng Tuyết T, vì ông T chỉ ký nhận chuyển khoản từ bà Đ, không phải bà T đứng tên chuyển khoản tiền này cho ông T, nên ông T không ý trả tiền cho bà T.

Tại phiên tòa ông Ngô Hoàng T vẫn giữ nguyên yêu cầu nêu trên.

Tại bản tự khai ngày 23/02/2017, ngày 25/04/2017, ngày 25/05/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của bị đơn là bà Bùi Thị B trình bày như sau :

Bà B là mẹ ruột của ông Ngô Hoàng T, do thương con nên bà B xác nhận có ký giấy cam kết mượn bà T số tiền 360.000.000 đồng, số tiền này thực tế con bà B là ông T chỉ nhận của bà T số tiền 188.200.000 đồng, số tiền 188.200.000 đồng bà B và chồng bà B là ông Ngô Phước T đã trả cho bà T vào ngày 04/3/2014. Do sơ suất, nên khi trả tiền cho bà T, gia đình bà B không yêu cầu bà T hủy bỏ giấy cam kết mượn tiền ngày 26/8/2013. Bà T yêu cầu bà B và con bà B ông Ngô Hoàng T cùng có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 171.800.000 đồng thì bà B không đồng ý, bà B ủy quyền lại cho con bà B là ông Ngô Hoàng T quyết định. Bà B xác nhận chữ viết ghi trong giấy cam kết ngày 26/8/2013 là do ông T viết ra, còn ký tên là do bà B ký. Nay bà B không đồng ý trả tiền cho bà T.

Tại phiên tòa bà Bùi Thị B vắng mặt, đại diện theo ủy quyền cho bà B có ông Ngô Hoàng T trình bày như trên và không đồng ý trả tiền cho bà T.

Tại bản tự khai ngày 22/03/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan – ông Ngô Phước Tr trình bày như sau:

Ông Tr là chồng của bà Bùi Thị B và là cha ruột của ông Ngô Hoàng T, ông Tr và bà Bùi Thị B có đăng ký kết hôn hợp pháp, hiện tại vẫn còn chung sống với nhau. Sự việc giao nhận tiền giữa bà Cổ Hoàng Tuyết T với vợ và con trai ông Tr như thế nào ông Tr không biết, nên ông Tr không có liên quan và không có trách nhiệm giải quyết sự việc này.

Tại phiên tòa ông Tr vắng mặt và nộp đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 23/05/2017 của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trương Thị Kim D trình bày như sau :

Toàn bộ số tiền mà bà D đưa cho ông Ngô Hoàng T qua chuyển khoản là tiền của bà Cổ Hoàng Tuyết T, bà D chỉ là người đưa tiền giùm. Bà D không liên quan đến việc cho mượn tiền giữa bà T và ông T, bà B. Bà Cổ Hoàng Tuyết T được quyền quyết định việc đòi số tài sản trên, bà D không liên quan và không tranh chấp hay có ý kiến về việc đòi tài sản của bà T đối với ông T, bà B.

Tại phiên tòa bà D vắng mặt và nộp đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 07/03/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị Kim Đ trình bày như sau :

Vào năm 2012 bà Đ có quen biết với ông Ngô Hoàng T trong lúc đi hành hương, ông T hứa cho bà Đ và em chồng bà Đ là bà Cổ Hoàng Tuyết T đi sang nước Úc để học đạo và đi làm việc bên Úc. Ông T yêu cầu mỗi người đóng 3.000 USD (đô la Mỹ), bà Đ đã chuyển vào tài khoản của ông Ngô Hoàng T tại Ngân hàng A như sau:

- Ngày 15/08/2012: 8.324.000 đồng

- Ngày 20/08/2012: 45.782.000 đồng
- Ngày 12/10/2012: 100.000.000 đồng
- Ngày 16/10/2012: 50.000.000 đồng
- Ngày 24/09/2012: 37.000.000 đồng
- Ngày 25/08/2012: (2 x 1.700USD)

Tổng cộng tính thành tiền đồng Việt Nam là: 360.000.000 đồng.

Sau khi đóng tiền cho ông T xong mà không thấy ngày đi Úc, về sau bà Đ phát hiện mình bị lừa nên mới làm đơn tố cáo ông T, sau đó gia đình ông T đã trả cho bà Đ, bà Cổ Hoàng Tuyết T, bà Trương Thị Kim D mỗi người 3.000 USD (Ba ngàn đô la Mỹ), tính thành tiền tổng cộng là 188.200.000 đồng.

Thực tế ngoài số tiền 3.000 USD cho mỗi người thì ông T còn nợ của bà Cổ Hoàng Tuyết T tiền sửa thất (sửa nhà chùa) bên nước Úc là 170.000.000 đồng, số tiền này có thể hiện trong bản án của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Long An và trong cam kết thay con trả nợ của bà Bùi Thị B ký ngày 26/08/2013, hứa trả hết cho bà T nhưng đến nay vẫn chưa trả.

Toàn bộ số tiền bà Đ chuyển vào tài khoản của ông Ngô Hoàng Tân tại Ngân hàng A là tiền của bà Cổ Hoàng Tuyết T nhờ bà Đ đứng tên chuyển giùm cho ông Ngô Hoàng T, không phải tiền của bà Đ. Bà Đ đã nhận đủ tiền theo bản án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, bà Đ không có tranh chấp gì với ông T, bà B trong vụ án này.

Tại phiên tòa bà Đ vẫn giữ nguyên lời trình bày như đã nêu trên.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Chánh có ông Nguyễn Văn Lân phát biểu như sau:

Về việc tuân theo pháp tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, xác minh thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định. Tuy nhiên, thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Qua tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp cho Tòa án và các chứng cứ Tòa án thu thập thì có cơ sở xác định giữa bà T với ông T, bà B có giao dịch nhận số tiền 360.000.000 đồng qua giấy ký nhận tiền và theo các giấy nộp tiền tại Ngân hàng A, phòng giao dịch B, đồng thời tại phiên tòa ông T thừa nhận giấy cam kết nợ và biên bản làm việc của Công an Điều tra huyện B là chữ ký của ông T và mẹ ông T. Vì vậy có cơ sở xác định số tiền còn lại là 170.000.000 đồng ông T, bà B chưa trả cho bà T. Nay bà T khởi kiện ông T, bà B trả số tiền này cho bà T là có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cổ Hoàng Tuyết T yêu cầu ông Ngô Hoàng T, bà Bùi Thị B trả số tiền 170.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:*

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Cổ Hoàng Tuyết T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh yêu cầu ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng theo tờ cam kết 26/08/2013. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân.

[1.2] Ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B hiện đang cư trú và sinh sống tại huyện Bình Chánh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Ông Ngô Phước Tr, bà Trương Thị Kim D có nộp đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt trong vụ án dân sự giữa bà Cổ Hoàng Tuyết T và ông Ngô Hoàng T, bà Bùi Thị B, căn cứ Điều 228 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định là Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[1.4] Do giao dịch giữa các đương sự xác lập vào thời điểm Bộ luật dân sự 2005 có hiệu lực thi hành. Do đó, Tòa án căn cứ vào các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 làm cơ sở giải quyết.

[2]. Về các yêu cầu của các đương sự:

[2.1] Bà Cổ Hoàng Tuyết T khởi kiện yêu cầu ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng.

Ông T không đồng ý trả tiền cho bà Cổ Hoàng Tuyết T, vì không có nhận tiền của bà T nhưng ông T đồng ý trả cho bà Trần Thị Kim Đ số tiền 55.000.000 đồng là số tiền chênh lệch theo tài khoản ông T nhận tiền của bà Đ sau khi trừ đi số tiền 188.200.000 đồng (là số tiền đóng đi nước Úc học đạo).

Bà Bùi Thị B không đồng ý trả tiền cho bà T theo giấy cam kết ngày 26/08/2013 mà bà B ký tên.

Bà Trần Thị Kim Đ và bà Trương Thị Kim D xác nhận số tiền chuyển vào tài khoản cho ông Ngô Hoàng T là tiền của bà Cổ Hoàng Tuyết T nhờ bà Đ và bà Diệu đưa cho ông Tân. Bà Đ và bà D không có tranh chấp gì đối với ông T, bà B.

Ông Ngô Phước Tr xác nhận không biết việc giao nhận tiền giữa bà T và con trai của ông Tr là Ngô Hoàng T, nên ông Tr không có trách nhiệm.

[2.2] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ngày 15/04/2013 tại biên bản ghi lời khai của ông Ngô Hoàng T, cán bộ điều tra công an huyện B, tỉnh Long An có ghi nhận: "… Tôi điện thoại cho cô T, Đ nói nếu muốn đi Úc thì đóng tiền đi, số tiền 3.000 USD, thiếu đủ tính sau … ***Ngoài ra Tôi còn mượn thêm của cô T là 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng), để Tôi mua đất***. Tổng cộng nhận của cô T, Đ, D là: 358.200.000 đồng. Cô D có đưa tiền dư cho Tôi 1.000.000 đồng. Tổng cộng Tôi thiếu là 359.200.000 đồng (Ba trăm năm mươi chín triệu, hai trăm nghìn đồng) …".

Tại bản án số: 37/2014/HSST ngày 23/04/2014 của Tòa án nhân dân huyện B và bản án số: 114/2014/HSPT ngày 14/07/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An có ghi nhận: "… Riêng khoản tiền 170.000.000 đồng mà đương sự yêu cầu, qua chứng cứ thể hiện trong hồ sơ, xét thấy là khoản nợ trong quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà T và bị cáo, nên tách ra đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự như án sơ thẩm nêu là phù hợp. Nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án hình sự này. …".

Tại phiên tòa bà T nộp bản chính biên bản thỏa thuận ngày 19/04/2013, trong biên bản ông Ngô Hoàng T ký tên thừa nhận có mượn thêm của bà T số tiền 170.000.000 đồng ngoài số tiền nhận của bà T, bà Đ, bà D mỗi người 3.000 USD

(đóng tiền đi sang nước Úc học đạo), tương đương số tiền đồng Việt Nam nhận của bà T là 62.753.000 đồng, nhận của bà Đ là 63.753.000 đồng, nhận của bà D là 63.694.000 đồng. Tại phiên tòa ông T thừa nhận có ký tên biên bản thỏa thuận.

Theo các giấy nộp tiền vào tài khoản của ông Ngô Hoàng T tại Ngân hàng A gồm có :

- Ngày 15/08/2012: 8.324.000 đồng (Do bà Trần Thị Kim Đ nộp)
- Ngày 20/08/2012: 45.782.000 đồng (Do bà Trần Thị Kim Đ nộp)
- Ngày 12/10/2012: 100.000.000 đồng (Do bà Cổ Hoàng Tuyết T nộp)
- Ngày 16/10/2012: 50.000.000 đồng (Do bà Trần Thị Kim Đ nộp)
- Ngày 24/09/2012: 37.000.000 đồng (Do bà Trần Thị Kim Đ nộp)

Ngoài ra ông Ngô Hoàng T có ký giấy nhận của cô 9 (là cô Đ) và cô 1 (là cô T): (2 x 1.700USD) = 3.400USD

Tại phiên tòa ông T thừa nhận tất cả số tiền nêu trên ông T đã nhận vào tài khoản của mình tại Ngân hàng A là đúng.

[3.2] Tại biên bản hòa giải và biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 25/05/2017, cũng như tại phiên tòa ông Ngô Hoàng T đồng ý trả cho bà Trần Thị Đ số tiền 55.000.000 đồng là số tiền chênh lệch theo tài khoản ông T nhận tiền của bà Đ sau khi trừ đi số tiền 188.200.000 đồng (là số tiền đóng đi nước Úc học đạo). Ông T không đồng ý trả tiền cho bà Cổ Hoàng Tuyết T, ông T cho rằng không có nhận tiền của bà T là không có cơ sở.

[3.3] Theo tờ cam kết ngày 26/08/2013 bà Bùi Thị B có ký cam kết với bà Cổ Hoàng Tuyết T sẽ trả hết số tiền mà con trai bà Thu là Ngô Hoàng T thiếu số tiền 360.000.000 đồng, nếu không trả đủ sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Ngày 04/03/2014 gia đình bà B đã trả cho bà T, bà Đ, bà D tổng cộng số tiền 188.200.000 đồng, số tiền còn thiếu lại bà T 171.800.000 đồng là chưa có chứng từ nào đã thanh toán cho bà T. Nay bà T yêu cầu bà B và ông T có trách nhiệm liên đới trả cho bà T số tiền 170.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3.4] Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả số tiền tạm ứng án dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 256, Điều 305 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 93, Điều 94, Điều 147, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu của bà Cổ Hoàng Tuyết T đòi ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B có trách nhiệm liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp Luật.

- Buộc bà Bùi Thị B và ông Ngô Hoàng T có trách nhiệm liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi triệu đồng) ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Các đương sự thực hiện việc giao nhận tiền tại Chi cục thi hành án có thẩm quyền.

- Hủy các giấy tờ ghi nhận nợ giữa các bên đương sự.

- Trường hợp ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Về án phí:

Ông Ngô Hoàng T và bà Bùi Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 8.500.000 đồng (Tám triệu, năm trăm nghìn đồng).

Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà Cổ Hoàng Tuyết T là 4.295.000 đồng (Bốn triệu, hai trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0021515 ngày 23/12/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, Cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh.

Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Bà Cổ Hoàng Tuyết T, ông Ngô Hoàng T, ông Nguyễn Minh C, bà Bùi Thị B (ông Ngô Hoàng T là đại diện ủy quyền), bà Trần Thị Kim Đ được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Ngô Phước Tr, bà Trương Thị Kim D được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự ; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận :
- TAND TP.HCM;
- VKSND cùng cấp;
- THADS có thẩm quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Ôn Kim Chi